

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023”

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 3**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ: ThS VŨ QUỐC CHÍNH

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2023

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2023

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 3**

CƠ QUAN THỰC HIỆN
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023” do Tổng cục Thủy lợi quản lý, được Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn giao Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam thực hiện năm 2023. Các nội dung chính nhiệm vụ thực hiện trong năm 2023 gồm: (i) Lấy mẫu quan trắc chất lượng nước 9 đợt tại 15 vị trí vào các tháng 2, 3, 4, 7 (2 đợt/ tháng) và 8 (1 đợt); (ii) Dự báo chất lượng nước theo tuần tại các vị trí lấy mẫu quan trắc theo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺. Kết quả quan trắc và dự báo được xây dựng thành các bản tin, đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại địa chỉ <https://chatluongnuoc.tongcucthuyloi.gov.vn> và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kết quả quan trắc hiện trường đợt 3 lấy mẫu ngày 6/3/2023. Nội dung gồm: Tình trạng đóng mở cống, chế độ dòng chảy, tình trạng chất thải, màu, mùi; kết quả đo các chỉ tiêu ngoài hiện trường (nhiệt độ, pH, DO) và những khuyến cáo chất lượng nước phục vụ SXNN.

Hà Nội, ngày 7 tháng 3 năm 2023

**BẢN TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
MẪU CỐ ĐỊNH ĐỢT 3**

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2023.

2. Ngày quan trắc: 6/3/2023

Ngày cung cấp thông tin: 7/3/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công trình tưới, tiêu:

- Mẫu lấy ngày 06/03/2023 vào thời kỳ tưới dưỡng lúa vụ Chiêm Xuân, cấp nước tưới cho hoa màu và nuôi trồng thủy sản (1/3 đến 3/5/2023); theo quy trình điều hành hệ thống: Xuân Quan không chế hạ lưu: 180 – 240 cm; Kênh Cầu không chế thượng lưu: 160 – 220 cm; Bá Thủy không chế thượng lưu: 130 – 170 cm; Neo không chế thượng lưu: 120 – 160 cm; Cầu Xe, An Thổ không chế thượng lưu: 80 – 100 cm hoặc lấy nước ngược; Ấu Cầu Cát phục vụ giao thông thủy hoặc lấy nước ngược.

- Thời điểm lấy mẫu sông Kim Sơn trong tình trạng bị ô nhiễm từ hạ lưu Báo Đáp đến cầu Sặt. Hoạt động của các công trình đầu mối và các công tiêu như sau: Công Xuân Quan (trữ nước hạ lưu) mở thông từ 6h00 đến 12h10; Kênh Cầu mở thông; Ấu Lục Điền, công Tranh đóng kín không chế nước ô nhiễm sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên và Tây Kê Sặt; Bá Thủy (trữ nước thượng lưu) mở thông 6h30, đóng kín 11h00, cống Neo (trữ nước thượng lưu): đóng kín và mở lúc 5h15; Ấu Cầu Cát mở lấy nước ngược từ 5h30 đến 8h30; An Thổ mở lấy nước ngược từ 3h đến 8h, Cầu Xe đóng kín. Các công tiêu Xuân Thụy – đang thi công XD cống mới, nước chảy tự do qua cống nắn dòng; Ngọc Lâm – đang bao bờ thi công xây dựng cống mới, tiêu nước qua TB khi có nhu cầu; Ngọc Đà, Bình Lâu mở thông, Phần Hà đóng kín.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 15 (Có danh sách kèm theo)

5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường

Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính- Chủ nhiệm nhiệm vụ

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi và các đơn vị khai thác CTTL trong vùng:

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG ĐỢT 3
(So sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A₁ và B₁)**

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
1	BHH 1	Cống Xuân	- Kiểm tra nước sông Hồng trước khi chảy vào hệ thống	- Cống mở lấy trữ nước hạ lưu, dòng chảy yếu. Mục	22,6	7,08	5,3	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		Quan	BHH - Nguồn nước có thể bị ảnh hưởng bởi nước ô nhiễm từ cống Xuân Thụy	nước TL = 102cm; HL = 100cm; - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, không rác thải.				- Tăng cường lấy, trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
2	BHH2	Cống Xuân Thụy	- Kiểm tra nước sông Cầu Bây trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp quận Long Biên và Gia Lâm.	- Đang thi công cống, Nước chảy tự do qua cống nấn dòng, dòng chảy mạnh. Mục nước TL = 125 cm; HL = 119 cm; - Nước có màu đen đục, mùi hôi thối, không có rác thải. Khi nhập lưu sông với sông Kim Sơn tạo 2 mảng màu đen – xanh nhạt rõ rệt	22,9	7,10	1,4	- DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS. - Lấy nước thay thế trong khu vực qua các trạm bơm từ nguồn sông Kim Sơn và sông ngoài. - Không nên mở cống Xuân Thụy vào thời điểm lấy nước phục vụ sản xuất.
3	BHH3	Cầu Như Quỳnh	- Kiểm tra nước sông Đình Dù cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Lâm (Hưng Yên) và huyện Thuận Thành (Bắc Ninh) qua TB Như Quỳnh - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu vực TT Như Quỳnh, nước thải các KCN: Như Quỳnh A, Như Quỳnh B và Tân Quang	- Mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước đen, mùi hôi, nhiều rác thải nổi trên sông.	22,9	7,18	2,1	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS. - Tạm dừng lấy nước qua TB Như Quỳnh, Lấy nước thay thế trong khu vực qua trạm bơm Phú Mỹ từ nguồn nước sông Đuống
4	BHH4	Cống Kênh Cầu	- Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực huyện Văn Giang và hạ lưu phía Bắc hệ thống. - Nguồn nước bị ảnh hưởng	- Cống mở thông, hầu như không có dòng chảy. Mục nước TL= HL = 120 cm; - Nước màu xám đen, mùi	23,2	7,10	2,7	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			của các nguồn thải khu vực Gia Lâm, Long Biên xả qua cống Xuân Thụy; Nước thải KCN Như Quỳnh từ sông Đĩnh Dù ra sông Kim Sơn tại cầu Tăng Bảo	hơi hôi, nhiều rác thải.				nước cho NTTS.
5	BHH5	Cống Ngọc Đà	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Kiên Thành tiêu ra sông Đĩnh Dù. - Bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt, công nghiệp khu Tân Quang, Như Quỳnh A, Phú Thụy, Trâu Quỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống mở thông 2 cửa, dòng chảy mạnh. - Nước có màu đen trắng đục, mùi hôi thối, không rác thải. Hạ lưu sau cống, nổi nhiều bọt đen - trắng thành đồng lớn. 	22,6	7,11	1,3	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cống Ngọc Đà ra sông Đĩnh Dù vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN
6	BHH6	Cống Ngọc Lâm	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Cầu Lường trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Minh Đức, các doanh nghiệp ven sông Cầu Lường ở xã Ngọc Lâm, Xuân Dục, Bạch Sam (huyện Mỹ Hào, Hưng Yên). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đang bao kè thi công xây dựng cống mới. Mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục, mùi hơi hôi, không rác thải. 	24,0	7,00	2,8	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.
7	BHH7	Cống Phần Hà	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước kênh Trần Thành Ngọ trước khi chảy ra sông Kim Sơn. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải KCN Dệt may phố Nối, KCN Thăng Long 2, nước thải sinh hoạt và các doanh nghiệp dọc đường 5, 	<ul style="list-style-type: none"> - Cống đóng, mặt nước tĩnh không có dòng chảy. - Nước màu đen, mùi hôi thối, nhiều rác thải trước cống. 	23,9	6,93	1,9	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng. - Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			làng nghề thu gom phế liệu Phan Bôi của xã Dị Sử (huyện Mỹ Hòa, Hưng Yên).					
8	BHH8	Cổng Bá Thủy	<ul style="list-style-type: none"> - Nước sông Kim Sơn chảy vào sông Đình Đào, cấp nước tưới cho huyện Bình Giang, Thanh Miện, Gia Lộc, tỉnh Hải Dương - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng đóng trữ nước thượng lưu, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 116 cm; HL= 112 cm. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ. Có ít rác thải và bèo tây trên sông. 	23,1	6,98	4,2	<ul style="list-style-type: none"> - DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
9	BHH9	Cổng Bình Lâu	Tiêu nước thải TP Hải Dương khu vực nhà máy sứ, bệnh viện tỉnh HD chảy vào sông Kim Sơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng mở, dòng chảy yếu. - Nước màu đen kịt, mùi hôi thối, không có rác thải 	24,1	7,01	1,4	<ul style="list-style-type: none"> - DO < 2mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS, cá và các sinh vật thủy sinh không thể sống được. - Không lấy nước tưới và sử dụng nước cho NTTS; - Không nên mở cổng Bình Lâu ra sông Kim Sơn vào các thời điểm lấy nước phục vụ SXNN;
10	BHH10	Cổng Cầu Cát	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra nước sông Kim Sơn cấp cho SXNN và NTTS khu vực TP Hải Dương, huyện Tứ Kỳ và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình. - Nguồn nước bị ảnh hưởng bởi nước tiêu TP Hải Dương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cổng đóng chờ triều lấy nước ngược, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mực nước TL= 120, HL= 61 cm. - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, nhiều rác thải. 	22,3	6,93	4,9	<ul style="list-style-type: none"> - DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chất tạo ô xi.
11	BHH11	Cổng	Kiểm tra nước sông An Thổ	- Cổng đóng chờ triều lấy	21,8	6,98	5,0	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
		An Thổ	cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du Ninh Giang, và nước tiêu hệ thống ra sông Luộc.	nước ngược, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 116 cm; HL= 23 cm - Nước màu nâu nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.				SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
12	BHH12	Cống Cầu Xe	Kiểm tra nước sông Cầu Xe cấp cho SXNN và NTTS vùng hạ du huyện Ninh Giang và nước tiêu hệ thống ra sông Thái Bình.	- Cổng đóng chờ triều lấy nước ngược, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= 118 cm; HL= 23 cm - Nước màu xanh nhạt, không có mùi lạ, không rác thải.	22,6	6,97	4,9	- DO đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN. - Tăng cường lấy nước ngược và trữ nước vào hệ thống. - Có thể lấy nước cấp cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
13	BHH13	Cống Lực Điền	Kiểm tra nước sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên	- Cổng đóng khổng chế nước bị ô nhiễm từ sông Kim Sơn chảy vào sông Điện Biên. Mặt nước tĩnh không có dòng chảy. Mục nước TL= 120 cm; HL = 108 cm. - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, không có rác thải. Ngoài cống phía sông Kim Sơn nước đen kịt, mùi hôi thối.	23,5	7,09	3,6	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN; cá và động vật thủy sinh có hiện tượng ngơ nôi đầu. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
14	BHH14	Cống Bằng Ngang	- Kiểm tra nước sông Điện Biên cấp cho SXNN và NTTS các xã phía Bắc huyện Kim Động, phía nam huyện	- Dòng chảy yếu theo hướng ra sông Cửu An. - Nước màu vàng nhạt, không có mùi lạ, nhiều rác	22,8	7,01	2,9	- DO < 3 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ SXNN và NTTS; cá và các sinh vật thủy sinh có thể có thể chết hoặc ảnh hưởng đến sinh trưởng.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc hiện trường			Khuyến cáo	
				Mô tả thực địa	T (°C)	pH		DO (mg/l)
			Khoái Châu. - Nguồn nước bị ảnh hưởng nước thải sinh hoạt dân cư và nước tiêu SXNN.	thải.				- Hạn chế lấy nước tưới và không sử dụng nước cho NTTS.
15	BHH15	Cống Neo	- Kiểm tra nước sông Cửu An trước khi chảy vào địa giới tỉnh Hải Dương. - Nguồn nước bị ảnh hưởng của nước tiêu tỉnh Hưng Yên.	- Cống đóng kín trữ nước thượng lưu, mặt nước tĩnh, không có dòng chảy. Mục nước TL= HL = 112cm; - Nước màu xanh lục, không có mùi lạ, không có rác thải.	22,7	6,97	3,4	- DO < 4 mg/l, không đạt tiêu chuẩn nước dùng cho SXNN; cá và động vật thủy sinh có hiện tượng ngơ nổi đầu. - Có thể lấy và trữ nước phục vụ SXNN. - Hạn chế lấy nước cho NTTS. Khi sử dụng nên xử lý qua các ao lắng, ao sinh học thả bèo và bổ sung ô xi bằng biện pháp khuấy đảo hoặc chát tạo ô xi.
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột A1				-	-	6,0-8,5	≥6	-
QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1				-	-	5,5-9,0	≥4	-

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột A1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.
- Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;